

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1470 /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 28 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Điều lệ Hội Điện tử Tin học tỉnh Bắc Ninh

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21.4.2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Xét đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 222/TTr-SNV ngày 22/8/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Hội Điện Tử Tin học tỉnh Bắc Ninh đã được Đại hội thông qua ngày 28/7/2018, gồm 08 Chương, 26 Điều (có Điều lệ kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ, các cơ quan, đơn vị có liên quan và Hội Điện tử Tin học tỉnh Bắc Ninh căn cứ Quyết định thi hành. /

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Lưu: VT, NC, CVP.



Nguyễn Tử Quỳnh



ĐIỀU LỆ

HỘI ĐIỆN TỬ TIN HỌC TỈNH BẮC NINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1470/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi

1. Tên tiếng Việt: Hội Điện tử Tin học tỉnh Bắc Ninh.
2. Tên giao dịch tiếng Anh là “Bac Ninh Electronics and Information Technology Association”.
3. Tên viết tắt : BNEITA.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Điện tử Tin học tỉnh Bắc Ninh (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội nghề nghiệp, tự nguyện của những tổ chức, cá nhân hoạt động và nghiên cứu về lĩnh vực điện tử, viễn thông và công nghệ thông tin, tự nguyện thành lập, nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và ổn định quốc phòng - an ninh của tỉnh.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
2. Trụ sở của Hội đặt tại Tòa nhà của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bắc Ninh.
3. Hội chịu sự quản lý nhà nước của UBND tỉnh Bắc Ninh, của Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ngành có liên quan theo quy định pháp luật về lĩnh vực Hội hoạt động.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

Hội Điện tử Tin học tỉnh Bắc Ninh hoạt động trên phạm vi tỉnh Bắc Ninh, trong lĩnh vực điện tử, viễn thông và công nghệ thông tin.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.

3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.
6. Hội sẽ là thành viên của Hội Tin học Việt Nam, Hội Vô tuyến - Điện tử Việt Nam, Hội Truyền thông số Việt Nam.

Chương II

QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Kết nạp hội viên; tuyên truyền về mục tiêu, nhiệm vụ và Điều lệ Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.
6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.
8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.
9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.
10. Được gia nhập các tổ chức quốc tế tương ứng và ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực Hội hoạt động, cơ quan quyết định cho phép thành lập Hội về việc gia nhập tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển địa phương và đất nước.

3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của hội.

7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan nhà nước yêu cầu.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội gồm: hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức là công dân, tổ chức tại Việt Nam, có hoạt động về lĩnh vực Điện tử - Viễn thông - Công nghệ thông tin và những người yêu thích về hoạt động này, có đủ tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện nộp đơn gia nhập Hội, có thể trở thành hội viên chính thức của Hội;

b) Hội viên liên kết là các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp liên doanh giữa doanh nghiệp Việt Nam với doanh nghiệp nước ngoài, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài (doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài) đang hoạt động, sản xuất, kinh doanh hợp pháp tại Việt Nam, có đóng góp cho sự phát triển của Hội, tán thành Điều lệ Hội, có thể được Ban Thường vụ Hội Điện tử Tin học tỉnh Bắc Ninh công nhận là hội viên liên kết;

c) Hội viên danh dự là các công dân, tổ chức Việt Nam có uy tín, có đóng góp cho sự phát triển của Hội nhưng không có điều kiện trực tiếp tham gia hoạt

động Hội với tư cách là hội viên chính thức, nếu tán thành Điều lệ Hội đều có thể được Ban Thường vụ Hội Điện tử Tin học tỉnh Bắc Ninh công nhận là hội viên danh dự của Hội.

2. Tiêu chuẩn Hội viên: Ban Thường vụ xây dựng tiêu chuẩn của Hội viên và trình tự thủ tục kết nạp, kỷ luật hội viên trình Ban Chấp hành biểu quyết thông qua.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.
2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.
3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.
4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.
5. Được giới thiệu hội viên mới.
6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.
7. Được cấp thẻ hội viên (nếu có).
8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.
9. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Lãnh đạo, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.
2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.
3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.
4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.
5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Chương IV TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 11. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.

4. Ban Kiểm tra.
5. Văn phòng.
6. Các chi hội trực thuộc.
7. Các liên chi hội.
8. Các câu lạc bộ, tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội.

Điều 12. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 5 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/3 (một phần ba) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/3 (một phần ba) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; Phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và Báo cáo tài chính của Hội;

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

đ) Các nội dung khác (nếu có);

e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 13. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Các Nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành (hình thức biểu quyết có thể giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, do hội nghị quyết định). Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội Điện tử tin học.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 02 (hai) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành.

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (hai phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 14. Ban Thường vụ

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định, chương trình và kế hoạch công tác hàng năm của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung, tài liệu và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định việc cấp thẻ hội viên; kết nạp, khai trừ hội viên tập thể và công nhận, thôi công nhận hội viên liên kết, hội viên danh dự;

d) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội;

e) Quyết định khen thưởng, kỷ luật hội viên theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ mỗi tháng họp 1 (một) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Chủ tịch, Phó Chủ tịch

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định và hướng dẫn của tỉnh.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

3. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn và số lượng Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 16. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban, Phó trưởng ban (nếu có) và một số ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội.

3. Giữa hai kỳ Đại hội, nếu cần thay đổi hoặc bổ sung các thành viên Ban Kiểm tra, Trưởng Ban Kiểm tra phải thông báo cho Ban Chấp hành và lấy ý kiến của các hội thành viên, các chi hội trực thuộc. Quyết định thay thế hoặc bổ sung phải được từ 1/2 (một phần hai) tổng số các hội thành viên và các chi hội trực thuộc trở lên chấp thuận mới có giá trị thực hiện.

4. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 17. Tổng thư ký

1. Tổng thư ký Hội do Ban Chấp hành bầu ra từ trong số các ủy viên Ban Chấp hành, giúp Ban Chấp hành điều hành hoạt động của Văn phòng Hội và chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành về các hoạt động của Văn phòng Hội.

2. Tổng thư ký có nhiệm vụ:

a) Điều hành hoạt động của Văn phòng Hội.

b) Giám sát hoạt động của các tổ chức pháp nhân làm kinh tế, dịch vụ, đào tạo trực thuộc Hội;

c) Là người đại diện cho Hội trong các hoạt động đối nội, đối ngoại trong và ngoài nước, ký các văn bản giao dịch đối nội, đối ngoại của Hội, ký duyệt các khoản chi cho hoạt động của Văn phòng, của các dự án, các hoạt động của Hội khi được Chủ tịch Hội ủy quyền bằng văn bản;

d) Giúp Chủ tịch quản lý tài sản, tài chính của Hội.

Điều 18. Chi hội và Liên chi hội

1. Chi hội: các cơ quan, đơn vị, tổ chức có thể thành lập Chi hội với số lượng tối thiểu là 10 hội viên.

a) Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Chi Hội là Hội nghị toàn thể của Chi hội, họp 05 năm một lần. Trong trường hợp cần thiết, Ban chấp hành Chi Hội có thể triệu tập Hội nghị bất thường theo đề nghị của ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số hội viên hoặc ít nhất 2/3 (hai phần ba) số lượng Ủy viên Ban chấp hành trong nhiệm kỳ;

b) Hội nghị toàn thể Chi hội bầu ra Ban chấp hành. Số lượng Ủy viên Ban chấp hành do Hội nghị toàn thể quyết định nhưng không quá 1/3 (một phần ba) số lượng hội viên;

c) Ban chấp hành Chi hội cử ra Chi hội Trưởng, Chi hội phó và Thư ký và được BCH Hội Điện tử Tin học tỉnh Bắc Ninh ra quyết định công nhận;

d) Ban chấp hành Chi hội có trách nhiệm thi hành các nhiệm vụ của Hội nghị và Nghị quyết của Hội; lãnh đạo mọi mặt công tác của Chi hội giữa hai kỳ Hội nghị Chi hội;

đ) Ban chấp hành Chi hội 3 (ba) tháng họp một lần. Sinh hoạt Chi hội ít nhất 6 (sáu) tháng một lần.

2. Liên Chi hội: trên địa bàn rộng (huyện, thị xã, thành phố), từ 03 Chi hội trở lên có thể thành lập Liên Chi hội.

a) Liên Chi hội có Chủ tịch, các phó Chủ tịch và một số Ủy viên do BCH Liên Chi hội bầu ra;

b) Hội nghị toàn thể Liên Chi hội họp 05 năm một lần sau hội nghị của các Chi hội trực thuộc nhưng phải trước Đại hội của Hội Điện tử Tin học tỉnh. BCH Liên Chi hội do hội nghị toàn thể Liên Chi hội bầu ra.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 19. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 20. Giải thể Hội

1. Hội giải thể trong các trường hợp sau:

a) Tự giải thể: Hội tự giải thể khi có đề nghị giải thể hội của trên 2/3 (hai phần ba) tổng số hội viên chính thức và được thực hiện thông qua Đại hội;

b) Bị giải thể: Hội bị giải thể khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định giải thể Hội.

2. Trình tự, thủ tục giải thể Hội được thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ chức, hoạt động và quản lý hội, nghị quyết của Đại hội, Điều lệ Hội và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chương VI TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 21. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội

- Lệ phí gia nhập Hội (nếu được BCH ban hành), hội phí hàng năm của hội viên;

- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;

- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có);

- Các khoản thu hợp pháp khác;

b) Các khoản chi của Hội

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;

- Chi thuê trụ sở làm việc (nếu phải đi thuê), mua sắm, sửa chữa trang thiết bị và phương tiện làm việc;

- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;

- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội: Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 22. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 23. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 24. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức khiển trách, cảnh cáo hoặc khai trừ ra khỏi Hội.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội Hội Điện tử Tin học tỉnh Bắc Ninh mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được ít nhất 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Điện tử Tin học gồm 8 Chương, 26 Điều đã được Đại hội Thành lập Hội Điện tử Tin học tỉnh Bắc Ninh thông qua ngày 28 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Điện tử Tin học tỉnh Bắc Ninh có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.